

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2025/DS-PT

Ngày: 24/9/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Tín và ông Trần Minh Thật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Ngọc Khương, Thư ký viên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 169/2025/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 tỉnh Khánh Hoà) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 186/2025/QĐXX-PT ngày 19 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị M, sinh năm: 1962 (Vắng mặt);

Địa chỉ: C N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: 4 H, phường N, tỉnh Khánh Hoà.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: D CT7B Khu đô thị V, phường T, tỉnh Khánh Hoà.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Kim T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị M, quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Bà Lương Thị M có quen biết với bà Lê Thị Kim C, bà Trần Thị Kim T là con gái của bà C. Do quen biết nên bà M có cho bà Trần Thị Kim T vay tiền nhiều lần, thời gian vay vào khoảng năm 2014, 2015. Sau đó, hai bên có làm hợp đồng cho mượn tiền vào ngày 08/7/2017. Theo hợp đồng ghi số tiền vay là 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*). Hợp đồng vừa đánh máy vừa bằng chữ viết của bà Trần Thị Kim T và bà Lương Thị M không ghi ngày, tháng có ghi nội dung năm 2020 – 2021 (hết hợp đồng).

Khoản vay thứ 02: Bà M cho bà T vay số tiền 70.000.000 đồng; Theo Giấy nộp tiền tại Ngân hàng TMCP C2 vào ngày 01/10/2020, thể hiện bà Lương Thị M có chuyển khoản cho bà Trần Thị Kim T mượn số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Tổng cộng số tiền bà M cho bà T vay theo 02 khoản là 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*). Việc này bà T cũng đã thừa nhận tại bản tự khai ngày 07/5/2024 và Tại Biên bản Hòa giải ngày 07/5/2024.

Về khoản tiền lãi: Nguyên đơn bà Lương Thị M thừa nhận bà và bà T có thỏa thuận tiền lãi nhưng không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Bà T trả tiền lãi cho bà M theo khả năng của bà T. Việc trả lãi không đều, không liên tục nên bà M không nhớ bà T đã trả tiền lãi là bao nhiêu, nhưng từ năm 2017 đến nay bà T không trả tiền lãi cho bà M lần nào. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi suất.

Việc bà Trần Thị Kim T trình bày có trả lãi cho bà M qua Công ty V - Chi nhánh T2, thành phố N, Khánh Hòa và Công ty V - Chi nhánh Thành phố H chỉ là trình bày miệng, không có căn cứ chứng minh nên nguyên đơn không chấp nhận lời trình bày này của bị đơn bà Trần Thị Kim T.

Quá trình tố tụng bị đơn bà Trần Thị Kim T trình bày:

Bà T có vay tiền của bà Lương Thị M theo hợp đồng cho mượn tiền ngày 8/10/2017, số tiền vay là 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*). Số tiền này bà T vay nhiều lần chứ không phải vay một lần và vay từ khoảng tháng

10/2014 cho đến năm 2017. Tuy nhiên đến năm 2017 mới chốt và làm hợp đồng vào ngày 8/10/2017.

Bà T vay khoản tiền thứ 02 của bà M là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) theo chuyển khoản ngày 01/10/2020.

Bà T xác nhận có vay tiền của bà M tổng số tiền là 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, bà T đã trả tiền lãi cho bà M rất nhiều và trả lãi trong khoảng thời gian dài. Bà T trả lãi cho bà M thông qua công ty V có trụ sở chi nhánh tại số A T, N. Bà T sẽ xin xác nhận tại công ty V về số tiền lãi đã trả cho bà M và giao nộp cho Tòa án. Nếu bà T không xin được xác nhận thì sẽ nhờ Tòa án thu thập chứng cứ. Nếu bà T đã trả số tiền lãi nhiều vượt quá quy định thì yêu cầu trừ vào số tiền đã vay. Nếu số tiền lãi không vượt quá thì bà T đồng ý trả số tiền gốc 660.000.000 đồng cho bà M.

Do thời gian đã lâu nên bà T không thể nhớ được số tiền lãi đã trả cho bà M, tuy nhiên bà T khẳng định là bà T đã trả tiền lãi cho bà M với số tiền nhiều. Thời gian bắt đầu trả tiền lãi từ tháng 10/2014 cho đến hết năm 2016. Kể từ năm 2017 thì bà T không trả lãi nữa do không còn khả năng để trả.

Tại Bản án sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà quyết định:

Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị M; Buộc bị đơn bà Trần Thị Kim T phải trả đủ cho nguyên đơn bà Lương Thị M số tiền nợ gốc là 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*).

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 16/6/2025 bị đơn bà Trần Thị Kim T kháng cáo bản án sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08/5/2025, không đồng ý với nội dung Bản án.

Tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không có căn cứ để tính số tiền lãi mà bà T cho rằng đã trả cho bà M vượt quá quy định của Bộ luật dân sự để trừ vào số tiền gốc đã vay. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Trần Thị Kim T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim T nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ, đã nộp tạm ứng án phí nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, xác định đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết theo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình tố tụng cả nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận giao dịch vay tiền không liên quan đến bà Nguyễn Thị Kim C1. Bà C1 trình bày bà biết việc vay tiền và trả lãi của con gái là bà T, do đó, bà C1 chỉ là người làm chứng, Bản án sơ thẩm xác định bà C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Theo đơn kháng cáo, bà T có gửi kèm theo bản sao kê tài khoản Ngân hàng VCB của ông Nguyễn Phương Đ và ông Trần Như T1. Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án có triệu tập người kháng cáo là bà T để làm việc với nội dung: “cung cấp thông tin về địa chỉ cư trú hiện nay của ông Nguyễn Phương Đ và ông

Trần Như T1”. Đã báo phát thành công cho người nhận nhưng bà T vẫn không có mặt tại Tòa án để làm việc, do đó Tòa án không có thông tin và cơ sở để triệu tập ông Nguyễn Phương Đ và ông Trần Như T1 tham gia tố tụng.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên đương sự đều thừa nhận: Bà Lương Thị M có cho bà Trần Thị Kim T vay nhiều lần tiền, sau đó chốt lại bằng giấy mượn tiền ngày 08/7/2017 với số tiền 590.000.000 đồng, bà T đã ký tên xác nhận. Đồng thời bà M còn cho bà T vay số tiền 70.000.000 đồng theo chứng từ chuyển khoản Ngân hàng ngày 01/10/2020, các khoản vay đều có tính lãi, có thời hạn. Đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình tố tụng Bị đơn xác định đã trả lãi cho bà M nhiều lần, từ năm 2014 đến hết năm 2016, thông qua bên trung gian là Công ty V và trả lãi qua tài khoản của ông Trần Như T1, ông Nguyễn Phương Đ (là em ruột và người quen của bị đơn) với số tiền lãi vượt quá quy định cho phép của pháp luật. Tuy nhiên, bà T không xác định được số tiền cụ thể và việc trả lãi này không được nguyên đơn bà M thừa nhận, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả tiền lãi từ năm 2017 đến nay.

Tại biên bản sự việc lập ngày 26/11/2024, Công ty V cung cấp: “Thông tin lưu trữ tại Công ty do thời gian lưu trữ quá lâu, bà T không cung cấp được chứng từ gửi tiền cho Công ty V theo thời gian nên Công ty không có cơ sở cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án”. Đồng thời, các bản sao kê tài khoản Ngân hàng của ông ông Trần Như T1, ông Nguyễn Phương Đ đều là bản pho to, không có xác nhận của Ngân hàng cũng như xác nhận của chủ tài khoản và cũng chưa được Tòa án xác thực ghi lời khai của ông Nguyễn Phương Đ1, ông Trần Như T1 nên không đủ yếu tố khách quan để sử dụng làm chứng cứ theo Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Do đó không có căn cứ để xác định bà T đã trả lãi vượt quá để tính trừ vào nợ gốc. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc số tiền 660.000.000 đồng và không xem xét tính tiền lãi do nguyên đơn không yêu cầu là có căn cứ. Bà T kháng cáo nhưng không đưa ra được bất kỳ tài liệu hay chứng cứ nào có giá trị pháp lý làm thay đổi nội dung vụ án vì vậy kháng cáo của bà T không được chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hoà).

3. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị Kim T phải chịu 30.400.000 đồng tương ứng với số tiền thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Bà Lương Thị M là người cao tuổi được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không phải hoàn tiền.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 95, Điều 147, Điều 148, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Kim T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2025/DS-ST ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Khánh Hoà). Cụ thể như sau;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị M đối với bị đơn bà Trần Thị Kim T về việc: *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Buộc bà Trần Thị Kim T phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lương Thị M số tiền nợ vay gốc là 660.000.000 đồng (*Sáu trăm sáu mươi triệu đồng*). Nguyên đơn không yêu cầu về số tiền lãi.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng

tháng còn phải chịu tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian thanh toán.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 30.400.000 đồng (*Ba mươi triệu bốn trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng đã được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0000760 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1- Khánh Hoà). Bà Trần Thị Kim T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2025).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- TAND khu vực 1, tỉnh Khánh Hoà;
- Thi hành án ds tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng TTKT&THA;
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang